TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2019/HC-PT
Ngày: 19/11/2019
V/v *Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thúy Cầu**
Các Thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**
Ông **Mai Xuân Thành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Lê Phước Thạnh** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 210/2019/TLPT-HC ngày 24-9-2019 về *"Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1524/2019/QĐ-PT ngày 04-11-2019, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông **Lê Tự T**, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Thôn T1**, xã** Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.
Người đại diện theo ủy quyền:
- Ông **Nguyễn Thành C,** sinh năm 1991.
Địa chỉ: Khối T2, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2017). Có mặt
- Ông **Nguyễn Thành Đ2**, sinh năm 1993.
Địa chỉ: 06 đường Đ3, phường H1, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam (Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2019). Có mặt

**** Người bị kiện:*** **Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.**
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần U** - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh H2 -** Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam:

- Ông Phạm Ngọc A, Phó phòng Tài nguyên & Môi trường thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin vắng mặt.

- Ông Thân Văn T3, Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Tự Đ4 -** Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam.

- Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn T4, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 495 đường Tr, phường X, quận T5, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tự T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn T1, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam (Văn bản ủy quyền ngày 04/01/2018). Vắng mặt.

- Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1957;

- Ông **Lê Tự B**, sinh năm 1960;

- Ông **Lê Tự K** sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Thôn T1, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Tự K: Ông **Lê Tự T.** Địa chỉ: Thôn T1, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam (Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2017). Vắng mặt.

- Bà **Lê Thị X1**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 7/5 đường M, phường Z, thành phố Đ6, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Tự T**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn T1, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam (Văn bản ủy quyền ngày 05/01/2018). Vắng mặt.

Người có kháng cáo: Người khởi kiện ông Lê Tự T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Lê Tự T và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành Đ2 trình bày:

Cha mẹ ông Lê Tự T là ông Lê Tự C2 (chết 1976) và bà Hà Thị M1 (chết 1995). Lúc còn sống cha mẹ ông tạo lập được một ngôi nhà trên diện tích đất 1.490m^2 tại thôn Th (nay là thôn T1), xã Đ5, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam. Nguồn gốc đất là do ông, bà nội ông T để lại. Thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, ông nội của ông là Lê Tự C3 kê khai, đăng ký đối với diện tích 740m^2 tại thửa đất 53, tờ bản đồ số 04, loại đất thổ cư, mẹ ông T là bà Hà Thị M1 kê khai, đăng ký đối với diện tích 750m^2 tại thửa đất số 53, tờ

bản đồ số 4, loại đất thổ cư, thuộc thôn T1, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Gia đình gồm cha mẹ và các con cùng chung sống trong ngôi nhà trên diện tích đất.

Thực hiện theo Nghị định 64/CP, anh trai ông Lê Tự T là Lê Tự Bình kê khai, đăng ký đối với diện tích đất 655m^2, thửa số 580, tờ bản đồ số 14, được Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/8/1995. Riêng diện tích đất 750m^2 bà Hà Thị M1 kê khai, đăng ký khi đo đạc theo Nghị định 64/CP thì Ủy ban nhân dân xã Đ5 đã bỏ diện tích đang trồng tre ra nên diện tích đất của mẹ ông T được Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/8/1995 chỉ còn lại 320m^2 tại thửa số 374, tờ bản đồ số 14. Tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận, mẹ ông T đã già yếu, anh em ông đều ở xa nên không biết việc bà Hà Thị M1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích nhỏ hơn diện tích sử dụng thực tế. Toàn bộ 750m^2 đất do cha mẹ ông quản lý, sử dụng, sau này, anh trai ông là Lê Tự Bình và mẹ là bà Hà Thị M1 quản lý, sử dụng ổn định, liền một thửa, có ranh giới rõ ràng với các hộ sử dụng đất xung quanh khác và không có tranh chấp với ai.

Thực hiện dự án Khu dân cư phố chợ Đ, ngày 07/4/2017 Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 ban hành Quyết định số 9302/QĐ-UBND thu hồi 57,3m^2, thửa 372, tờ bản đồ số 14, loại đất ở của bà Hà Thị M1 và ban hành Quyết định số 9324/QĐ-UBND thu hồi diện tích 184,7m^2, thửa 25, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ đo đạc hiện trạng), loại đất cây lâu năm do UBND xã Đ quản lý, bà Hà Thị M1 là người khai hoang sử dụng. Đến ngày 21/4/2017, Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 ban hành Quyết định số 10307/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết về đất đai cho bà Hồ Thị M1với số tiền 149.620.000 đồng, trong đó bồi thường 57,3m^2 đất ở là 140.385.000 đồng và 184,7m^2 đất trồng cây lâu năm ngoài bìa đỏ là 9.235.000 đồng.

Việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 đối với hộ gia đình ông Lê Tự T là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông. Do đó, ông Lê Tự T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 9324/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy một phần Quyết định số 10307/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho mẹ ông là bà Hà Thị M1 đối với diện tích đất 184,7m^2 thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ đo đạc hiện trạng) tại thôn T1, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam là đất ở theo

đúng quy định pháp luật và đúng với quá trình kê khai, đăng ký sử dụng đất của bà M1.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 ông Nguyễn Minh H2 trình bày:

Về yêu cầu hủy Quyết định số 9324/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất:

Hộ bà Hà Thị M1 được Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/8/1995, trong đó có thửa 374, tờ bản đồ số 14, diện tích 320m^2, loại đất thổ cư.

Khi thực hiện dự án xây dựng, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A (đoạn Tứ Câu- Vĩnh Điện) đoạn qua xã Đ, Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 đã ban hành Quyết định số 10005/QĐ-UBND ngày 08/12/2011 về thu hồi đất của bà Hà Thị M1 với diện tích 27,4m^2 đất ở tại thửa 374, tờ bản đồ số 14 (ảnh hưởng phần đất ở phía trước) và Quyết định số 11448/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết với tổng giá trị 18.111.000 đồng. Hộ bà Trần Thị M1đã nhận tiền đền bù đối với diện tích 27,4m^2 này và bàn giao mặt bằng, hiện trạng. Vậy diện tích đất ở còn lại của thửa 374, tờ bản đồ số 14 của hộ bà Hà Thị M1 là 292,6m^2.

Ngày 19/10/2015, Công ty Cổ phần đo đạc địa chính và công trình HB cùng tiến hành đo đạc hiện trạng sử dụng tại thửa 374, tờ bản đồ số 14 của hộ bà Hà Thị M1 có diện tích 477,3m^2. Trong đó, hộ bà Hà Thị M1 có diện tích đất bị ảnh hưởng bởi dự án là 242m^2 (hiện nay là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01 theo bản đồ đo đạc hiện trạng).

Ngày 01/3/2017, Hội đồng xét nguồn gốc đất của xã Đ đã xác nhận tổng diện tích hộ bà Hà Thị M1 tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01 đang sử dụng là 477,3m^2 (trong đó, diện tích đất ở là 292,6m^2, còn diện tích đất 184,7m^2 là phần diện tích đất tăng thêm mà hộ bà M1 đang khởi kiện). Diện tích đất 184,7m^2 này được Hội đồng xác nhận là đất tăng thêm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất do UBND xã Đ quản lý (của thửa 373).

Về nguồn gốc của diện tích đất 184,7m^2: Theo hồ sơ 64/CP, hộ bà Hà Thị M1 chỉ kê khai, đăng ký đối với diện tích đất ở 320m^2, thửa 374, tờ bản đồ số 14, còn diện tích đất tăng thêm 184,7m^2 thuộc thửa 373, loại đất nông nghiệp, do Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý. Diện tích đất bị ảnh hưởng dự án là 57,3m^2 đất ở của hộ bà Hà Thị M1 và 184,7m^2 đất trồng cây lâu năm của thửa 373. Tuy hộ bà M1 không kê khai, đăng ký nhưng có công khai hoang sử dụng từ trước ngày 01/7/2004 nên vẫn được bồi thường đối với diện tích đất trồng cây lâu năm 184,7m^2 theo quy định pháp luật.

Căn cứ Biên bản xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã Đ ngày 01/3/2017 và Tờ trình số 397/TTr-TNMT ngày 03/4/2017 của Phòng Tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 đã ban hành Quyết định số 9324/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 là đúng quy định. Do đó, người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này của ông Lê Tự T.

Về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 10307/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam về việc bồi thường chi tiết hộ bà Hà Thị M1:

Diện tích đất 184,7m^2 do Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý, nhưng hộ bà Hà Thị M1 có công khai hoang sử dụng trước ngày 01/7/2004 thì được đền bù theo quy định nên Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 ban hành Quyết định số 10307/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 bồi thường cho hộ bà Hà Thị M1 với tổng số tiền 149.620.000 đồng. Trong đó, bồi thường diện tích 57,3m^2 đất ở là 140.385.000 đồng và bồi thường diện tích 184,7m^2 đất trồng cây là 9.235.000 đồng. Đến nay, hộ đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho dự án thi công. Do đó, yêu cầu hủy một phần Quyết định này là không có cơ sở.

Về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam diện tích đất 184,7m^2 thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ đo đạc hiện trạng) là đất ở theo đúng quy định pháp luật:

Diện tích đất 184,7m^2 thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01 là diện tích đất tăng thêm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Hà Thị M1; hiện trạng đất không có nhà ở, vật kiến trúc và Hội đồng xác nhận nguồn gốc đất xã Đ xét là đất cây lâu năm và hộ bà M1 đã nhận đủ số tiền bồi thường 9.235.000 đồng (50.000 đồng/m^2). Do đó, yêu cầu này của người khởi kiện là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ do ông Lê Tự Đ4 đại diện trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 184,7m^2: Theo hồ sơ 299/TTg ông Lê Tự C2 và bà Hà Thị M1 có kê khai diện tích đất 1.490m^2, thửa 53, tờ bản đồ số 4. Theo hồ sơ 64/CP có đơn đăng ký của bà Hà Thị M1 đối với thửa 374, tờ bản đồ số 14, diện tích 320m^2 đất ở. Hiện trạng khi giải phóng mặt bằng diện tích đất 184,7m^2 là trồng cây bạc hà và mồ mả, khi giải phóng mặt bằng có di dời mồ mả. Thửa 374 trên thực tế giáp với thửa 373, loại đất nông nghiệp, do Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý (đất công ích 5% ở địa phương) và giáp thửa đất lúa, khi đo đạc để thực hiện dự án, Công ty HB đã gộp thửa 373 và thửa đất lúa nên sơ đồ mới thể hiện là thửa 374 giáp thửa đất lúa, nhưng theo hồ sơ địa chính thì vẫn tồn tại thửa 373. Do đó, nguồn gốc phần diện tích 184,7m^2 là đất nông nghiệp của thửa 373 do Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý, vì vậy, Ủy ban nhân dân xã Đ không đồng ý với yêu cầu của ông Lê Tự T về việc hủy Quyết định số 9324/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của

Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất và hủy một phần Quyết định số 10307/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015, Điều 62; Điều 74; Điều 100; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tự T về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai",* yêu cầu Tòa án: - Hủy Quyết định số 9324/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy một phần Quyết định số 10307/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho mẹ ông là bà Hà Thị M1 đối với diện tích đất 184,7m^2 thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ đo đạc hiện trạng) tại Thôn T1, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định pháp luật và đúng với quá trình kê khai, đăng ký sử dụng đất của bà M1.

Ngày 09/8/2019, ông Lê Tự T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Tự T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày những người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, các văn bản pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Đ1, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ1 ông Phạm Ngọc Anh có đơn xin vắng mặt. Một số người có quyền, nghĩa vụ liên quan đề vắng mặt. Do đó, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Ngày 07/4/2017, Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 ban hành Quyết định số 9324/QĐ-UBND về việc thu hồi đất nông nghiệp UBND xã Đ quản lý, hộ bà Hà Thị M1 khai hoang sử dụng bị ảnh hưởng dự án Khu dân cư phố chợ Đ tại xã Đ, thị xã Đ1. Ngày 21/4/2017 UBND thị xã Đ1 ban hành Quyết định số 10307/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết hộ bà Hà Thị M1 để giải phóng mặt bằng ảnh hưởng dự án khu dân cư phố chợ Đ. Đến ngày 22/11/2017, ông Lê Tự T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015 và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Tự T vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 9324/QĐ-UBND ngày 07/4/2017; hủy một phần Quyết định số 10307/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam và buộc thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Hà Thị M1 diện tích đất 184,7m^2 tại thửa số 25, tờ bản đồ số 01, thôn T1, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10-11-1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý chặt chẽ và thống nhất đất đai trong cả nước thì ông Lê Tự C2 và bà Hà Thị M1 có kê khai tổng diện tích 1.490m^2 đất thửa số 53, tờ bản đồ số 4 thuộc thôn T1, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Triển khai theo Nghị định 64/CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp thì ông Lê Tự Bình (anh trai ông T) kê khai, đăng ký đối với diện tích đất 655m^2, thửa số 580, tờ bản đồ số 14, được Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/8/1995. Bà Hà Thị M1 làm đơn đăng ký, kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày cùng 28/8/1995, diện tích 320m^2 đất ở tại thửa số 374, tờ bản đồ số 14, tại thôn T1. Khi dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A đoạn TC - VĐ; Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 đã ban hành Quyết định số 10005/QĐ-UBND ngày 08/12/2011 về thu hồi đất của bà Hà Thị M1 với diện tích 27,4m^2 tại thửa số 374, tờ bản đồ số 14 và bà Hà Thị M1 được hỗ trợ số tiền 18.111.000 đồng. Như vậy, diện tích đất hộ bà M1 còn lại là 292,6 m^2 tại thửa số 374, tờ bản đồ số 14 tại thôn T1, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, khi Công ty Cổ phần đo đạc địa chính và công trình HB tiến hành đo đạc hiện trạng sử dụng đất của hộ bà Hà Thị M1 có diện tích đất sử dụng thực tế là 477,3m^2, tăng 184,7m^2 đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà M1 đã được cấp trước đây. Trong đó, diện tích đất bị ảnh hưởng do làm đường 242 m^2 thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 1, theo bản đồ đo đạc gồm: 57,3m^2 đất ở thuộc thửa 374, tờ bản đồ số 14 của hộ bà Hà Thị M1 và 184,7m^2 đất trồng cây lâu năm của thửa 373 do Ủy

ban nhân dân xã quản lý. Theo ông Lê Tự T diện tích đất 184,7m^2 là trồng tre, còn Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày diện tích đất tăng thêm trên trồng cây bạc hà và mồ mả. Thực tế, hồ sơ địa chính thể hiện 184,7m^2 thuộc thửa số 373 do UBND xã Đ quản lý nên không có cở sở chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 9324/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 về thu hồi diện tích 184,7 m^2 đất.

[3.2] Đối với nội dung đề nghị hủy một phần Quyết định số 10307/QĐ-UBND ngày 21/4/2017, bồi thường cho hộ gia đình bà M1: Mặc dù, diện tích đất 184,7m^2 do UBND xã Đ quản lý, nhưng hộ gia đình bà M1 có công khai hoang sử dụng trước ngày 01/7/2004 được đền bù theo quy định pháp luật. Do vậy, Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 ban hành Quyết định số 10307/QĐ-UBND ngày 21/4/2017, bồi thường cho hộ gia đình bà M1 với tổng số tiền 149.620.000 đồng. Trong đó, bồi thường diện tích 57,3 m^2 đất ở là 140.385.000 đồng và bồi thường diện tích 184,7m^2 đất trồng cây 9.235.000 đồng. Đến nay, gia đình bà M1 đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho dự án thi công.

[3.3] Về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Hà Thị M1 đối với diện tích đất 184,7m^2 thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01: Diện tích 184,7 m^2 đất thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 01 là diện tích đất tăng thêm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Hà Thị M1 như đã phân tích ở phần [3.1]; tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là cây lâu năm của hộ gia đình bà Hà Thị M1 đã được bồi thường, hỗ trợ 9.235.000 đồng (50.000 đồng/m^2) theo phân tích ở phần [3.2] đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho hộ bà Hà Thị M1.

Từ phân tích trên, Hội đồng thấy rằng có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Lê Tự T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Ông Lê Tự T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Tự T. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. **Tuyên xử:**

Áp dụng Điều 62; Điều 74; Điều 100; Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tự T về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai",* yêu cầu Tòa

án: - Hủy Quyết định số 9324/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy một phần Quyết định số 10307/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho mẹ ông là bà Hà Thị M1 đối với diện tích đất 184,7m^2 thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ đo đạc hiện trạng) tại Thôn T1, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định pháp luật và đúng với quá trình kê khai, đăng ký sử dụng đất của bà M1.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 349 Bộ luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Lê Tự T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000348 ngày 13/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 19-11-2019./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu